

Bản án số: 02/2022/HS-ST.

Ngày: 12/01/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Viết Vĩnh – Bà Nguyễn Thị Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Bà Lý Thị Tuyết - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2021/TLST-HS, ngày 22/11/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2021/QĐXXST-HS ngày 03/12/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2000 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn Quán, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Gia đình: Có 02 anh em; bị cáo là con thứ nhất; Vợ, Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/7/2021 Công an huyện P xử phạt Nguyễn Văn T 1.500.000 đồng về hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản; Ngày 20/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn T 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo Nguyễn Văn T hiện đang giam tại Trại Giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định tạm giam số 33/2021/HSST-QĐTG ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ (Có mặt).

- **Bị hại:** Anh Trần Trọng K, sinh năm 2002(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

Trú tại: Xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Dương Văn H, sinh 2000 (Có mặt).

Trú tại: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Trung Hi, sinh năm 1999 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm D, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người làm chứng:** Chị Dương Thị VA, sinh ngày 22/02/2004 .

Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người giám hộ cho chị Dương Thị VA:

Bà Dương Thị P, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị Dương Thị VA và bà Dương Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 28/06/2021, Nguyễn Văn T sinh năm 2000; Trú tại Xóm Đ, xã N, huyện P nhờ anh Trần Trọng K sinh năm 2002, trú tại Xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở cùng khu xóm trọ tại KCN ĐT, huyện P chở về nhà T tại Xóm Đ, xã N, huyện P để lấy đồ cá nhân, anh K đồng ý. Anh K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc mang BKS: 20G1-34264 (mượn của chị Dương Thị VA sinh năm 2004; Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P, đăng ký xe mang tên bà Dương Thị P là mẹ của chị VA) để chở T. Trên đường đi T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 8 giờ 25 phút, khi đi đến khu vực cách nhà T khoảng 1km thuộc địa phận xóm Trại, xã N, huyện P thì T nói với anh K dừng xe để T đi xe vào trong nhà lấy quần áo còn anh K đứng ngoài đợi, sau đó T sẽ quay lại đón anh K nên anh K đã tin tưởng và giao xe cho T. T nhận xe từ anh K rồi điều khiển xe đi về nhà nhưng thấy nhà khóa cửa nên tiếp tục điều khiển xe đi huyện Đ chơi. Đến 16 giờ cùng ngày T điện thoại cho Dương Văn H sinh năm 2000; Trú tại xóm Nghê, xã N, huyện P để nhờ H tìm chỗ cắm xe (T không nói nguồn gốc xe là do T lừa đảo chiếm đoạt được) và được H đồng ý. T điều khiển xe mô tô quay về khu công nghiệp Điềm Thụy đón H sau đó chở H đi sang cửa hàng điện thoại tại xã H, thị xã P do anh Nguyễn Trung Hi; Trú tại Xóm D, xã N, huyện P làm chủ. Tại đây, H nói với anh Hi là xe của nhà H muốn bán, do quen biết nên anh Hi đồng ý mua với giá 4.500.000 đồng, H đã viết 01 giấy bán chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh đen bạc mang BKS: 20G1-34264 với giá 4.500.000 đồng cho anh Hi. Sau khi nhận được tiền H đưa cho T 1.900.000 đồng còn lại 2.600.000 đồng H cầm và bảo vay của T. Số tiền trên H và T đã tiêu sài cá nhân hết.

Anh K sau khi đứng đợi không thấy T quay ra thì vào nhà T tìm T nhưng không thấy, điện thoại cho T không liên lạc được, anh K làm đơn trình báo đến

Công an xã N, huyện P. Ngày 02/7/2021, Công an xã N chuyển hồ sơ cùng tài liệu đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 11/8/2021, anh Nguyễn Trung Hi đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; Số loại: Wave; Màu sơn: Xanh - Đen - Bạc; Số máy: HC12E7247847; số khung 1256FY247803, không gương chiếu hậu, xe cũ qua sử dụng; 01 giấy bán xe; ngày 12/8/2021 giao nộp 01 đoạn video anh Hi quay lại việc H viết giấy bán xe cho anh Hi để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HDDGTS ngày 24/9/2021, của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện P kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; Số loại: Wave; Màu sơn: Xanh - Đen - Bạc; Số máy: HC12E7247847; số khung 1256FY247803, không gương chiếu hậu, xe cũ qua sử dụng có giá trị 12.000.000 đồng.

Ngày 21/10/2021 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành mở đoạn video do anh Hi cung cấp, T và H đều xác nhận hình ảnh trong video là chiếc xe mô tô do T chiếm đoạt và người viết giấy bán xe là H.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo T là có căn cứ, phù hợp với nội dung đơn trình báo; biên bản làm việc; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; biên bản mở video dữ liệu camera; Kết luận định giá; lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc BKS 20G1-342.64, có số khung 1256FY247803, số máy HC12E7247847 xe không gương chiếu hậu cũ qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe là bà Dương Thị P sinh năm 1977; Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, là mẹ của chị Dương Thị VA sinh năm 2004; Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P cho chị VA để đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P trả lại tài sản cho bà Phượng quản lý sử dụng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Trung Hi yêu cầu Dương Văn H trả lại cho anh Hi số tiền 4.500.000 đồng, H đồng ý trả cho anh Hi số tiền trên.

Bản cáo trạng số 175/CT-VKSPB, ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; 56; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án HSST số 53 ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là 1 năm tù với hình phạt của bản án này.

- Về vật chứng: Bà Dương Thị P là mẹ của chị Dương Thị VA đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc BKS 20G1-342.64 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Trung Hi đã nhận lại số tiền 4.500.000 đồng do gia đình H trả và không có yêu cầu gì khác.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được như: Đơn trình báo của người bị hại, biên bản bắt người, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 28/6/2021 tại khu vực xóm Trại, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn T bằng thủ đoạn gian dối, đã có hành

vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Trọng K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc BKS 20G1-342.64 (Đăng ký xe mang tên Dương Thị P là mẹ của chị VA giao cho chị VA sử dụng, ngày 28/6/2021 chị VA cho anh K mượn) trị giá 12.000.000 đồng với mục đích bán lấy tiền tiêu sài. Sau khi lừa được xe, T liên lạc với Dương Văn H nhờ H tìm chỗ bán (H không biết nguồn gốc tài sản do T lừa đảo chiếm đoạt mà có), H đưa T đến gặp anh Nguyễn Trung Hi và H đứng ra bán chiếc xe trên cho anh Hi với giá 4.500.000 đồng. Số tiền trên T và H đã tiêu sài cá nhân hết.

Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án HSST số 53 ngày 20/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 01 năm tù; Ngày 14/7/2021 bị Công an huyện P xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác”. Do đó cũng cần phải có một mức án phù hợp, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo T không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Đối với hành vi của Dương Văn H và Nguyễn Trung Hi do không biết nguồn gốc chiếc xe là do T phạm tội mà có được nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không xem xét xử lý.

[6]. Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, gia đình anh Dương Văn H đã trả cho anh Trần Trọng K số tiền 4.500.000đ là số tiền anh đã mua chiếc xe 20G1 342.64 của H bán cho anh. Anh K không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo về phần trách nhiệm dân sự. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, 56, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án HSST số 53 ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là 1 năm tù với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2021.

3. Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

5. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo T và anh Dương Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Vắng mặt anh Trần Trọng K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với những người có mặt; Có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày người vắng mặt nhận được bản án, hoặc bản án

được niêm yết công khai tại UBND xã là nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; Bị hại, Người liên quan;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Thái